TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LA GI** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2021
V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang – Bà Đinh Thị Mỹ Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Hồng C, sinh năm 1987; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Phan Hải L, sinh năm 1982; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27.01.2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn – bà Phạm Thị Hồng C trình bày:

Bà C và ông L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 09/4/2007. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do ông L sống không có trách nhiệm với gia đình, đam mê cờ bạc phát tán tài sản trong nhà, thường xuyên nhậu nhẹc, xúc phạm đánh đập bà C, cả hai không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2020. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn ông L.

Về con chung: Bà C và ông L có 02 người con chung: 1/ Phan Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2006 (Giới tính Nữ); 2/ Phan Thị Hoài N, sinh ngày 23/01/2013 (Giới tính Nữ), hiện các cháu đang ở với bà C. Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn – ông Phan Hải L thể hiện: Bà C kiên quyết yêu cầu ly hôn thì ông L đồng ý vì níu kéo cũng không hạnh phúc, khi ly hôn về con chung ông L đồng ý giao 02 người con chung cho bà C nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ông L xin giải quyết vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn có mặt, bị đơn xin giải quyết vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử là phù hợp.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C. Bà Phạm Thị Hồng C được ly hôn ông Phan Hải L.

- Về con chung: Giao 02 người con chung: Phan Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2006 (Giới tính Nữ) và Phan Thị Hoài N, sinh ngày 23/01/2013 (Giới tính Nữ) cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng C, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do giữa bà C và ông L không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn tôn trọng, thương yêu, giúp đỡ, chia sẽ lẫn nhau, hiện nay cả 02 không còn sống chung. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà C một mực kiên quyết ly hôn, bản thân ông L đồng ý ly hôn và xin giải quyết vắng mặt. Qua xác minh tình trạng hôn nhân cho thấy vợ chồng ông L và bà C hay cãi vã, ông L thường nhậu nhẹc, đập phá tài sản trong nhà, hiện ông L và bà C không còn sống chung với nhau. Từ những phân tích trên cho thấy giữa ông L và bà C không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không tồn tại. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Hồng C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Giữa bà C và ông L có 02 người con chung: Phan Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2006 (Giới tính Nữ) và Phan Thị Hoài N, sinh ngày 23/01/2013 (Giới tính Nữ). Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, về phía ông L đồng ý giao 02 người con chung cho bà C nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy khi giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần; từ khi ông L và bà C không còn sống chung thì 02 cháu ở cùng bà C, bà C vẫn chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con và ông L đồng ý, hơn nữa nguyện vọng của 02 cháu đều xin ở cùng mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ giao 02 cháu Phan Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2006 (Giới tính Nữ) và Phan Thị Hoài N, sinh ngày 23/01/2013 (Giới tính Nữ) cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C có nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện cho việc nuôi dưỡng 02 con, và bà C không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 28, 35, 39, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng C. Bà Phạm Thị Hồng C được ly hôn ông Phan Hải L.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 người con Phan Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2006 (Giới tính Nữ) và Phan Thị Hoài N, sinh ngày 23/01/2013 (Giới tính Nữ) cho bà Phạm Thị Hồng C trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004824, ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (04/6/2021). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Đăng